TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 725/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29/5/2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Nhất Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Diệu Huệ.

2. Bà Lê Thị Tý.

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Võ Minh Tiện – Là thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Trương Hoài Ninh– Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 117/2023/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 02 năm 2023, về việc "Tranh chấp Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2023/QĐXXST-HNGĐ , ngày 10 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 90/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 08 tháng 05 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị K, sinh năm: 1989;

Thường trú: số 25 K, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; (Có đơn xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Vũ Tiến L, sinh năm: 1983;

Thường trú: số 25 K, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn của bà Phạm Thị K và bản tự khai của đương sự tại Tòa án cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn bà Phạm Thị K trình bày: Bà và ông Vũ Tiến L kết hôn với nhau theo giấy chứng nhận kết hôn số 103 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre cấp ngày 22/12/2011. Cuộc sống vợ chồng bà hạnh phúc được một

thời gian. Tuy nhiên sau đó giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên gây gỗ và không thống nhất được cách giải quyết. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do hai vợ chồng bất đồng quan điểm kéo dài trong nhiều năm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, tình cảm cả hai không hòa hợp. Ông Luận thường hay say xỉn, chửi bới vô cớ và thường hù dọa bà, đã hơn mười năm bà đã tìm mọi cách khuyên nhưng ông Luận không thay đổi.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Vũ Tiến L.

+ Về con chung: Có 01 con chung tên Vũ Hoàng L, sinh ngày 17/9/2012. Bà yêu cầu trực tiếp nuôi trẻ Vũ Hoàng Long, không yêu cầu cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung: bà đề nghị được tự thỏa thuận với ông Vũ Tiến L, không yêu cầu Tòa án giải quyết

+ Về nợ chung: bà Phạm Thị K khai không có.

Bị đơn ông Vũ Tiến L: bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án, vắng mặt không rõ lý do và không có văn bản ghi nhận ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Phạm Thị K có đơn xin vắng mặt, ông Vũ Tiến L vắng mặt không rõ lý do.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và kết luận: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*: bà Phạm Thị K và ông Vũ Tiến L có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 103 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre cấp ngày 22/12/2011, bà Phạm Thị K có yêu cầu xin ly hôn với ông Vũ Tiến L đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn là ông Vũ Tiến L cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: nguyên đơn là bà Phạm Thị K có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là ông Vũ Tiến L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật, nhưng ông Vũ Tiến L vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào quy

định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] *Về nội dung:* Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 103 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre cấp ngày 22/12/2011, cùng lời khai của bà Phạm Thị K về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà Phạm Thị K và ông Vũ Tiến L là hôn nhân hợp pháp.

Bà Phạm Thị K có yêu cầu ly hôn với ông Vũ Tiến L vì giữa bà và ông L trong quá trình sống chung không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, ngoài ra theo bản tự khai của bà K thì ông L thường hay say xỉn, chửi bới vô cớ và thường hù dọa bà, đã hơn mười năm bà đã tìm mọi cách khuyên nhưng ông Luận không thay đổi. Đối với ông Vũ Tiến L, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông đến Tòa để làm việc nhưng ông không đến Tòa và không có ý kiến gì về yêu cầu của bà Phạm Thị K.

Như vậy, có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng trong quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị K và ông Vũ Tiến L là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, đồng thời ông L cũng không có ý kiến gì về yêu cầu và những nội dung mà bà K đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nên việc bà K yêu cầu được ly hôn với ông L là có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung: bà K và ông Luận có 01 con chung tên Vũ Hoàng L, sinh ngày 17/9/2012. Bà K yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trẻ Vũ Hoàng Long, theo bản ghi nhận nguyện vọng của trẻ Vũ Hoàng Long thì cháu yêu cầu được sống với mẹ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của bà K được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ Vũ Hoàng L. Ghi nhận sự tự nguyện của bà K không yêu cầu ông Luận cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: bà đề nghị được tự thỏa thuận với ông Vũ Tiến L, không yêu cầu Tòa án giải quyết

+ Về nợ chung: bà Phạm Thị K khai không có.

- Về án phí sơ thẩm: bà Phạm Thị K phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[4] Đề nghị của đại diệnViện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân là phù hợp với quy định của pháp luật nên thống nhất

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị K đối với ông Vũ Tiến L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 103 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre cấp ngày 22/12/2011 không còn giá trị pháp lý kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: có 01 (một) con chung tên Vũ Hoàng L, sinh ngày 17/9/2012. Giao trẻ Vũ Hoàng L cho bà Phạm Thị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: ghi nhận sự tự nguyện của bà K không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, việc nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

4. Về tài sản chung: bà Phạm Thị K đề nghị được tự thỏa thuận với ông Vũ Tiến L, không yêu cầu Tòa án giải quyết

5. Về nợ chung: bà Phạm Thị K khai không có.

6. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Phạm Thị K phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà K đã nộp theo biên lai thu số 0010676 ngày 14/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phạm Thị K đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

7. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi

hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND quận Bình Tân;
-TAND, VKSND TP.HCM;
-CCTHADS quận Bình Tân;
-Các đương sự;
-Nơi đăng ký kết hôn;
-Lưu văn thư, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Nhất Bình